

Vấn đề xuất khẩu gạo ở nước ta

Hiện trạng và những vấn đề cần giải quyết

I. HIỆN TRẠNG

Việt Nam là một trong những nước sản xuất lúa gạo với sản lượng lớn của thế giới từ nhiều năm nay, nhưng mãi đến năm 1989, mới trở thành nước xuất khẩu gạo thứ 3 sau Thái Lan và Mỹ với mức 1,5 triệu tấn/năm. Tính chung trong 3 năm 1989-1991, nước ta đã xuất khẩu trên 4,1 triệu

thực hàng hóa nhiều, chất lượng gạo đủ tiêu chuẩn xuất khẩu. Các tỉnh miền Đông Nam Bộ, miền Trung và miền Bắc, nơi chung sản xuất chưa đủ tiêu dùng, nên thực tế chưa có thóc, gạo xuất khẩu với qui mô lớn. Một số tỉnh những năm qua có xuất khẩu gạo, cũng chỉ là xuất ủy thác hoặc xuất đổi hạt vì thực lực rất hạn chế. Năm 1991,

PTS. NGUYỄN SINH CÚC

ruộng đất, tiềm năng lao động được khai thác hợp lý hơn, kết hợp với tiềm năng đất đai và thời tiết, đã và đang tạo ra nhiều thóc gạo hàng hóa và xuất khẩu.

Mặt non kém trong xuất khẩu gạo những năm qua là: Số lượng chưa ổn định, chất lượng gạo chưa cao nên giá thấp so với giá gạo Thái Lan, ít nhất 40-50 USD/tấn, cùng chủng loại. Thị trường chưa ổn định. Vì vậy, tiềm năng sản xuất và xuất khẩu gạo chưa được khai thác hợp lý; người sản xuất lúa gạo xuất khẩu chưa thật yên tâm đầu tư tăng năng suất và chất lượng gạo. Nếu khắc phục được các mặt yếu kém trên đây thì khả năng xuất khẩu gạo còn lớn.

Khả năng xuất khẩu gạo của nước ta trước hết phụ thuộc vào khả năng sản xuất và mức tiêu dùng trong nước. Nếu năm 1992, cả nước sản xuất từ 20 đến 20,6 triệu tấn thóc, tăng 600 nghìn đến 1,2 triệu tấn so với năm 1991, sản lượng lương thực qui thóc đạt trên 22,5 triệu tấn, thì nước ta có thể xuất khẩu từ 1,2 đến 1,5 triệu tấn gạo chất lượng cao. Khả năng này là có cơ sở thực tiễn và được tính toán, cần đổi theo quan hệ cung cầu các vùng trong cả nước khá chặt chẽ.

Khả năng về cung (sản xuất): nếu thời tiết diễn biến bình thường, việc tăng thêm một triệu tấn thóc trong năm 1992 là có thể đạt được. Trước hết, việc mở rộng diện tích lúa đồng xuân và hè thu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long bằng khai hoang, tăng vụ và chuyển vụ, làm tăng khoảng 200 nghìn ha. Trên diện tích tăng thêm này với năng suất trung bình 3,6 tấn/vụ, đã làm tăng thêm trên 700 nghìn tấn thóc. Đồng bằng sông Hồng và các vùng lúa duyên hải miền Trung, nếu không có bão, lụt lớn, năng suất lúa đạt mức trung bình của năm 1990 thì khả năng tăng thêm 300 đến 500 nghìn tấn thóc trong năm 1992 là rất khiêm tốn.

Những tín hiệu tốt lành đầu tiên về sản xuất lúa đồng xuân 1991 - 1992 ở 2 vùng trọng điểm lúa của cả nước cho phép chúng ta tin tưởng vào triển vọng đó.

Về cầu (tiêu dùng): Năm 1992, nước ta sẽ có khoảng 69 triệu người. Với mức tiêu dùng gạo như năm 1991 (12 kg gạo 1 khẩu 1 tháng), thì nhu cầu thóc cho người ăn cả năm là khoảng 14 triệu tấn. Thóc giống một triệu tấn, thóc cho chế biến thực phẩm và các nhu cầu chăn nuôi 1,5 triệu tấn, hao hụt 3% (60 vạn tấn) dự trữ trên dưới một triệu tấn.

Cần đổi giữa cung và cầu, riêng về thóc đã thừa khoảng 2,5 đến 3 triệu tấn.

Nếu xuất khẩu 1,5 triệu tấn gạo, với hệ số 0,65 thì cũng chỉ hết khoảng 2,3 triệu tấn thóc.

Thị trường tiêu thụ gạo Việt Nam ở nước ngoài 1989 - 1991			
	đơn vị 1000 tấn		
	1989	1990	1991
Tổng số gạo xuất khẩu	1425,2	1624,4	1.000
Trong đó: xuất sang khu vực II			900
Một số nước			-
- Ấn Độ	61,1	44,9	-
- Hồng Kông	99,2	7,9	-
- Pháp	324,6	161,6	-
- Indonesia	131,2	-	-
- Iran	-	94,6	-
- Philippin	-	334,8	-

tấn gạo. Năm 1991, mặc dù thiên tai, lũ lụt ở cả 2 vùng trọng điểm lúa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, nhưng cả nước vẫn xuất khẩu được một triệu tấn gạo. Đến nay, cùng với đầu thô và than đá, gạo cũng trở thành mặt hàng xuất khẩu chiến lược góp phần quan trọng tạo ra ngoại tệ mạnh cho đất nước.

Dù khối lượng gạo đã xuất còn thấp so với tiềm năng, nhưng vấn đề quan trọng là gạo Việt Nam đã tìm được chỗ đứng khá ổn định trên thị trường lúa gạo thế giới. Đó là thị trường khu vực II, đặc biệt là các nước Đông Nam Á.

Địa bàn sản xuất lúa gạo xuất khẩu chủ yếu là 2 vùng đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long - trong đó trọng điểm là vùng đồng bằng sông Cửu Long. Năm 1991 mặc dù lũ lụt lớn xảy ra làm mất 30 vạn tấn thóc vụ mùa, nhưng nhờ 2 vụ đồng xuân và hè thu được mùa lớn, nên sản lượng lúa cả năm vùng này vẫn đạt 10,4 triệu tấn, tăng 8,6% (80 vạn tấn) so với năm 1990, riêng lúa hè thu tăng 49,7 vạn tấn, thóc hàng hóa: 4,5 triệu tấn, trong đó đã xuất khẩu một triệu tấn gạo.

Không chỉ riêng năm 1991, mà từ năm 1989, thóc gạo xuất khẩu ở nước ta trên thực tế là do đồng bằng sông Cửu Long sản xuất và cung cấp. Đã có thời kỳ của năm 1990, cả nước xuất khẩu gạo, nhưng nguồn gạo chủ yếu vẫn lấy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, vì đó là vùng duy nhất của cả nước có bình quân lương thực đầu người cao (trên 700 kg), lương



vụ đồng xuân các tỉnh miền Bắc thất thu 1,4 triệu tấn thóc do thời tiết, vụ hè thu ở miền Trung cũng gặp khó khăn, nên thành tích xuất khẩu 1 triệu tấn gạo trong năm thuộc về các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Ngoài những yếu tố thuận lợi do thiên nhiên mang lại, còn yếu tố con người cũng giữ vai trò rất quan trọng. Nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long đã làm quen với nền nông nghiệp hàng hóa từ trước giải phóng. Ngày nay, có cơ chế và chính sách phù hợp, nhất là chính sách

Như vậy, việc xuất khẩu 1,5 triệu tấn gạo trong năm 1992 là khả năng có thực, và không hề ảnh hưởng đến cân đối cung - cầu lương thực trong nước. Nếu đạt được mức dự kiến, Việt Nam vẫn giữ được vị trí 3 về xuất khẩu gạo của thế giới trong năm 1992.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ HƯỚNG GIẢI QUYẾT.

Để biến những khả năng trên đây thành hiện thực trong năm 1992 này, theo chúng tôi, cần giải quyết tốt các vấn đề sau:

Một là: Ưu tiên vốn cho việc thu mua thóc gạo xuất khẩu. Đó là yêu cầu bức thiết cần đặt và giải quyết sớm để tạo điều kiện cho nhà nước nắm được nguồn hàng, nông dân bán được thóc dư. Theo tính toán của chúng tôi, đến khoảng tháng 3 năm 1992, sau khi thu hoạch vụ mùa, các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long còn dư thừa khoảng nửa triệu tấn thóc, nhiều nhất là các tỉnh Minh Hải, An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Kiên Giang. Số thóc dư này phần lớn còn ở trong dân. Nếu nhà nước có đủ vốn thu mua hết thóc thừa, sẽ tạo điều kiện cho nông dân Nam Bộ đầu tư thâm canh, tăng vụ các vụ lúa năm 1992, nhất là ở các vùng trọng điểm lúa hàng hóa, xuất khẩu: Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên và Tây sông Hậu. Nếu đến tháng 4-92, sau khi thu hoạch lúa đông xuân, sản lượng thóc thừa vùng đồng bằng Nam Bộ sẽ đạt trên 1 triệu tấn thóc.

Ngoài vốn cho vay mua thóc thừa, Nhà nước cần ưu tiên vốn cho vay ở các vùng lúa qui hoạch cho xuất khẩu, nhằm tạo ra những tiền đề vật chất đảm bảo năng cao năng suất lúa và chất lượng gạo.

Hai là: Đầu tư khoa học kỹ thuật nhiều hơn cho vùng lúa xuất khẩu. Để gạo Việt Nam đứng vững trên thị trường quốc tế, vấn đề quan trọng hàng đầu là chất lượng. Muốn có gạo xuất khẩu với chất lượng cao, không có con đường nào khác là đầu tư đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật về giống, về phân bón, về chế biến, bảo quản, vận chuyển. Thực tế xuất khẩu gạo 3 năm qua đã bộc lộ những mặt yếu kém, mất cân đối của chúng ta trong những khâu này, mà nguyên nhân sâu xa là cơ sở hạ tầng thấp, kỹ thuật lạc hậu. Hậu quả cuối cùng là giá gạo Việt Nam thấp xa so với gạo Thái Lan, và do đó chưa được tín nhiệm trên thị trường thế giới. Muốn khắc phục mặt yếu kém này, có nhiều việc phải làm, trong đó đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất chế biến có tính chất quyết định.

Ba là: Tổ chức mạng lưới xuất khẩu gạo. Ở Trung ương, tổ chức xuất khẩu gạo chỉ nên tập trung vào một mối, đó là Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm. Điều này rất cần thiết vì tổ chức như vậy sẽ đảm bảo qui trình khép kín từ sản xuất đến thu mua và xuất khẩu. Mặt khác, việc làm đó sẽ khắc phục được tình trạng tranh mua, tranh bán, hoặc xuất quá khả năng cho phép, ảnh hưởng đến quan hệ cung - cầu

lúa gạo trong nước như đã xảy ra năm 1990.

Ở các địa phương: Nhà nước cần thống nhất quản lý tổ chức xuất khẩu gạo của các địa phương, theo chúng tôi, những địa phương thiếu lương thực trên miền, thì không tham gia xuất khẩu gạo. Những địa phương có nhiều thóc hàng hóa (chủ yếu vùng đồng bằng sông Cửu Long) được phép xuất khẩu gạo sau khi hoàn thành các nghĩa vụ đóng thuế, trả nợ với Nhà nước. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thống nhất và ổn định thị trường và giá cả, các tổ chức xuất khẩu gạo của địa phương (Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW) phải chịu sự quản lý của Bộ NN và CNTP, trực tiếp là các tổng công ty lương thực.

Bốn là: Đổi mới phương thức xuất nhập khẩu lương thực. Đến nay, đã có đủ điều kiện để thực hiện phương thức xuất - nhập lương thực ở cả 2 miền đất nước. Miền Nam thừa thóc gạo, có thể xuất, còn miền Bắc thiếu lương thực có thể nhập cùng thời điểm.

Phương thức này, chắc chắn sẽ tiết kiệm chi phí vận chuyển gạo từ Nam bộ ra miền Bắc và sẽ không làm mất ổn định thị trường và giá cả lương thực cả nước. Trong điều kiện quan hệ buôn bán với Trung Quốc bình thường, các tỉnh biên giới phía Bắc (địa bàn thiếu lúa gạo) hoàn toàn có thể nhập gạo, bột mì từ thị trường Trung Quốc. Thực tế sự ổn định thị trường lương thực ở miền Bắc nói chung, 9 tỉnh biên giới

giáp Trung Quốc nói riêng, trong năm 1991, đã chứng minh khả năng đó.

Nhìn ra nước ngoài, Mỹ là nước xuất khẩu gạo thứ 2, sau Thái Lan, nhưng năm 1991, nước này vẫn nhập khẩu 170 nghìn tấn gạo trong khi đó vẫn xuất khẩu 2,4 triệu tấn gạo trong năm đó. Số lượng gạo nhập khẩu của Mỹ năm 91 gấp 8 lần so với những năm đầu thập niên 80 và gấp 2,5 lần năm 89.

Năm là: Mở rộng phương thức xuất đối hạt.

Việt Nam xuất khẩu gạo trong điều kiện lương thực bình quân đầu người mới đạt khoảng 330 kg. Với tốc độ tăng dân số 2% hàng năm, lương thực bình quân đầu người khó có thể tăng nhanh. Bởi vậy, muốn giữ vững xuất khẩu gạo như 3 năm qua, mà không làm căng thẳng quan hệ cung - cầu lương thực trong nước, cần thiết phải đổi mới cơ cấu bữa ăn, bớt gạo, tăng màu chế biến. Vì vậy, đã đến lúc thực hiện phương thức xuất đối hạt: xuất khẩu gạo, nhập khẩu bột mì và ngô, xuất gạo với giá cao, nhập bột mì và ngô với giá thấp đồng thời với đổi mới công nghệ chế biến lương thực và thức ăn gia súc ở các tỉnh, thành phố, có thể sẽ trở thành một phương thức kinh doanh lương thực có hiệu quả xé trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân của cả nước.

NSC.

